

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NNMT

Sơn Hà, ngày tháng 5 năm 2025

V/v thẩm định bản đồ địa chính
khu đất tỷ lệ 1/5000 (đợt 2), để
phê duyệt phương án bồi
thường và lập thủ tục thu hồi
đất thực hiện dự án Thủy điện
Đăkđrinh 2; địa điểm xây dựng:
xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Thủy điện Đăk Đrinh 2; Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư (điều chỉnh lần thứ nhất) dự án: Thủy điện Đăkđrinh 2; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 23/2/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư (điều chỉnh lần thứ hai) dự án: Thủy điện Đăkđrinh 2;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Hà;

Căn cứ Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sơn Hà;

Căn cứ Công văn số 1328/SNNMT-ĐĐBĐ ngày 11/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi về việc nộp và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;

Trên cơ sở Công văn số 1278/UBND-NNMT ngày 13/5/2025 của UBND huyện Sơn Hà về việc thống nhất nội dung xác nhận loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất, nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân không có giấy tờ về quyền sử dụng đất để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thủy điện Đăkđrinh 2; Hạng mục: Lòng hồ, nhà máy, Cụm đầu mối, đường vận hành; địa điểm xây dựng: xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà; Công văn số 37/TNMT ngày 14/2/2025 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sơn Hà về việc xác nhận hiện trạng sử dụng đất đối với các thửa đất có thay đổi diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thẩm định bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án Thủy điện Đăkđrinh 2; địa điểm xây dựng: xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Ngãi tại Văn bản số 26/NLQN ngày 13/5/2025; ý kiến của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 184/NNMT ngày 14/5/2025; UBND huyện Sơn Hà kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, thẩm định bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000 (đợt 2) để phê duyệt phương án bồi thường và lập thủ tục thu hồi đất thực hiện dự án Thủy điện Đăkđrinh 2; địa điểm xây dựng: xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, cụ thể như sau:

1. Khối lượng đề nghị thẩm định bản đồ - đợt 2

- Tổng số tờ bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000: 01 tờ;
- Tổng số thửa/tổng diện tích: 108 thửa/ 313.719,0 m²; trong đó:
 - + Trích lục: 24 thửa/169.325,0 m²; Mức khó khăn 2.
 - + Chính lý: 34 thửa/ 95.525,0 m²; Mức khó khăn 2.
 - + Trích đo: 50 thửa/ 48.869,0 m²; Mức khó khăn 2.
- Diện tích quy hoạch đề nghị thẩm định: 199.806,0 m²; gồm:
 - + Diện tích quy hoạch Lòng hồ: 64.770,0 m²;
 - + Diện tích quy hoạch Nhà máy: 70.248,0 m²;

- + Diện tích quy hoạch Cụm đầu mối: 27.903,0 m²;
- + Diện tích quy hoạch Đường vận hành: 36.885,0 m².

2. Đơn vị thực hiện đo đạc: Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi.

3. Cơ quan phối hợp thực hiện: Ủy ban nhân dân xã Sơn Bao.

4. Đơn vị kiểm tra, giám sát: Công ty cổ phần Đo đạc Địa chính và Trắc địa công trình Quảng Nam.

(Kèm theo Bản đồ địa chính khu đất, bảng thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng)

UBND huyện Sơn Hà kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, thẩm định bản đồ địa chính khu đất theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Đo đạc Bản đồ và Thông tin địa lý - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Sơn Bao;
- Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Ngãi;
- Lưu VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Anh Quang

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG THEO HIỆN TRẠNG
Dự án: Thủy điện Đắk Drinh 2; Hạng mục: Lòng Hồ, nhà máy, cụm đầu mối, đường vận hành;
Địa điểm: Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi
(Thẩm định đợt 2)

(Kèm theo Công văn số: /UBND-NNMT ngày /5/2025 của UBND huyện Sơn Hà)

Tờ 1; ĐVT: m²

STT	Tờ BD địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000									Tờ bản đồ đo vẽ thành lập năm 2007						Chênh lệch DT		Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch					Loại đất	Tờ BD ĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	GCNQSDĐ (nếu có)	Tên theo GCNQSD Đ	Tăng giảm (+,-)	Lý do	
				Lòng Hồ	Nhà máy	Cụm đầu mối	Đường vận hành	Tổng										
	Tờ BĐĐC ĐLN Số 13																	
1	Ông Đinh Văn Lễ	359	4.672,0	0,0	0,0	0,0	793,0	793,0	HNK	13	359	4672	NHK	AM 973741 28/4/2008	Đinh Văn Lễ			
2	Hộ ông Đinh Văn Nhãi (chết)-Người thừa kế hợp pháp là bà Đinh Thị K Rủ	363	1.244,0	0,0	0,0	0,0	738,0	738,0	HNK	13	363	1244	NHK	AM 973757 28/4/2008	Đinh Văn Nhãi Đinh Thị K Rủ			
3	Hộ ông Đinh Văn Thuộc (thuáp) và bà Đinh Thị Úa	397	1.785,0	0,0	0,0	0,0	1.043,0	1.043,0	HNK	13	397	1732	NHK	AM 973849 28/4/2004	Đinh Văn Thuáp Đinh Thị Úa	53,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
4	Hộ ông Đinh Văn Chíp và bà Đinh Thị Xoai	406	4.302,0	0,0	0,0	0,0	1.499,0	1.499,0	HNK	13	406	5264	NHK	AM 973677 28/4/2008	Đinh Văn Chíp Đinh Thị Xoai	-962,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
5	Hộ ông Đinh Văn Nấp (Nấp) và bà Đinh Thị Đenh	416	2.291,0	0,0	0,0	0,0	1.133,0	1.133,0	HNK	13	416	2322	NHK	AM 973749 28/4/2008	Đinh Văn Nấp Đinh Thị Đenh	-31,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
6	Hộ ông Đinh Văn Phân và bà Đinh Thị Chi	425	2.035,0	0,0	0,0	0,0	589,0	589,0	HNK	13	425	2513	NHK	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
7	Hộ ông Đinh Văn Bùi (chết)- Người thừa kế hợp pháp là bà Đinh Thị Tréo	435	3.500,0	0,0	0,0	0,0	758,0	758,0	HNK	13	435	3455	NHK	AM 973657 28/4/2008	Đinh Văn Bùi Đinh Thị Tréo	45,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
8	Hộ ông Đinh Văn Hốp (Hốp) và bà Đinh Thị Phái	436	5.875,0	0,0	0,0	0,0	1.907,0	1.907,0	HNK	13	436	6200	NHK	AM 973729 28/4/2008	Đinh Văn Hốp Đinh Thị Phái	-325,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
9	Hộ ông Đinh Văn Thuộc (thuáp) và bà Đinh Thị Úa	443	3.442,0	0,0	0,0	0,0	1.246,0	1.246,0	HNK	13	443	5559	NHK	AM 973850 28/4/2008	Đinh Văn Thuáp Đinh Thị	-2117,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025

STT	Tờ BD địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000									Tờ bản đồ đo vẽ thành lập năm 2007						Chênh lệch DT		Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch					Loại đất	Tờ BD ĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	GCNQSDĐ (nếu có)	Tên theo GCNQSD Đ	Tăng giảm (+,-)	Lý do	
				Lòng Hồ	Nhà máy	Cụm đầu mối	Đường vận hành	Tổng										
															Uá			
10	Hộ ông Đinh Văn Hoa và bà Đinh Thị Sơm	460	2.737,0	0,0	0,0	0,0	1.342,0	1.342,0	HNK	13	460	3956	NHK	AM 973723 28/4/2008	Đinh Văn Hoa Đinh Thị Sơm	-1219,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
11	Hộ ông Đinh Văn Sôn và bà Đinh Thị Lá	471	1.941,0	0,0	0,0	0,0	888,0	888,0	HNK	13	471	3765	NHK	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
12	Bà Đinh Thị Hang	474	2.263,0	0,0	0,0	0,0	741,0	741,0	HNK	13	474	3210	NHK	AM 973715 28/4/2008	Đinh Thị Hang	-947,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
13	Hộ ông Đinh Văn Bùi (chết)- Người thừa kế hợp pháp là bà Đinh Thị Tréo	484	4.005,0	0,0	0,0	0,0	2.047,0	2.047,0	HNK	13	484	6346	NHK	AM 673658 28/4/2008	Đinh Văn Bùi Đinh Thị Tréo	-2341,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
14	Ông Đinh Văn Sách	495	2.504,0	0,0	0,0	0,0	719,0	719,0	CLN	13	495	3759	CLN	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
15	Hộ ông Đinh Bút và bà Đinh Thị Dăng	503	2.922,0	0,0	0,0	0,0	1.011,0	1.011,0	HNK	13	503	3685	NHK	AM 973662 28/4/2008	Đinh Bút Đinh Thị Dăng	-763,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
16	Ông Đinh Văn Bôn (Bôn)	506	2.171,0	0,0	0,0	0,0	1.006,0	1.006,0	HNK	13	506	2098	NHK	AP 892889 30/12/2008	Đinh Văn Bôn	73,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
17	Ông Đinh Văn Khai (Đinh Ka Rai) và bà Đinh Thị Trinh	512	1.804,0	0,0	0,0	0,0	255,0	255,0	HNK	13	512	1804	NHK	AM 973809 28/4/2008	Đinh Ka Rai Đinh Thị Trinh			
18	Hộ ông Đinh Văn Phùng và bà Đinh Thị Chanh	516	3.897,0	0,0	0,0	0,0	1.941,0	1.941,0	HNK	13	516	3897	NHK	AM 793801 28/4/2008	Đinh Văn Phùng Đinh Thị Chanh			
19	Hộ ông Đinh Văn Đin và bà Đinh Thị Búi	521	2.928,0	0,0	0,0	0,0	887,0	887,0	HNK	13	521	2928	NHK	AP 892707 30/12/2008	Đinh Văn Đin Đinh Thị Búi			
20	Hộ ông Đinh Văn Bin và bà Đinh Thị Bình	522	5.944,0	0,0	0,0	0,0	413,0	413,0	HNK	13	522	5944	NHK	AM 973651 28/4/2008	Đinh Văn Bin Đinh Thị Bình			
21	Hộ ông Đinh Văn Hốp (Hốp) và bà Đinh Thị Phải	528	7.943,0	0,0	0,0	0,0	2.906,0	2.906,0	HNK	13	528	7612	NHK	AM 973729 28/4/2008	Đinh Văn Hốp Đinh Thị Phải	331,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025

STT	Tờ BD địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000									Tờ bản đồ đo vẽ thành lập năm 2007						Chênh lệch DT		Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch					Loại đất	Tờ BD ĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	GCNQSDĐ (nếu có)	Tên theo GCNQSD Đ	Tăng giảm (+,-)	Lý do	
				Lòng Hồ	Nhà máy	Cụm đầu mối	Đường vận hành	Tổng										
															Phải			
22	Bà Đinh Thị Hương (Vương)	532	4.200,0	0,0	0,0	0,0	1.028,0	1.028,0	HNK	13	532	4451	NHK	AP 589804 24/7/2009	Đinh Thị Vương	-251,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
23	Hộ ông Đinh Văn Cang và bà Đinh Thị K Răm	533	987,0	0,0	0,0	0,0	382,0	382,0	HNK	13	533	987	NHK	AM 973674 28/4/2008	Đinh Văn Cang			
24	Bà Đinh Thị Trinh (Trình)	534	1.377,0	0,0	0,0	0,0	584,0	584,0	HNK	13	534	1377	NHK	AP 892782 30/12/2008	Đinh Thị Trinh			
25	Hộ ông Đinh Văn Nôi (Nõa) và bà Đinh Thị Phép	536	904,0	0,0	0,0	0,0	392,0	392,0	HNK	13	536	904	NHK	AM 973768 28/4/2008	Đinh Văn Nõa Đinh Thị Phép			
26	Hộ ông ông Đinh Văn Bó và bà Đinh Thị Tha	537	2.483,0	0,0	0,0	0,0	930,0	930,0	HNK	13	537	2483	NHK	AM 973654 28/4/2008	Đinh Văn Bó Đinh Thị Tha			
27	Ông Đinh Văn Thạch	540	1.134,0	0,0	0,0	0,0	585,0	585,0	HNK	13	540	1212	NHK	AM 973844 28/4/2008	Đinh Văn Thạch	-78,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
28	Hộ ông Đinh Bút và bà Đinh Thị Dăng	549	4.991,0	0,0	0,0	0,0	2.659,0	2.659,0	HNK	13	549	5031	NHK	AM 973664 28/4/2008	Đinh Bút Đinh Thị Dăng	-40,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
29	Hộ ông Đinh Văn Phùng và bà Đinh Thị Chanh	572	5.422,0	0,0	0,0	0,0	2.606,0	2.606,0	HNK	13	572	6656	NHK	AM 973802 28/4/2008	Đinh Văn Phùng Đinh Thị Chanh	-1234,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
30	Ông Đinh Văn Phẩm	575	3.016,0	0,0	0,0	0,0	2.076,0	2.076,0	HNK	13	575	2987	NHK	AO 875500 30/12/2008	Đinh Văn Phẩm	29,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
	Tờ BĐĐC ĐLN Số 16																	
31	UBND xã	24	2.159,0	2.159,0	0,0	0,0	0,0	2.159,0	DCS	16	24	3141	DCS					
32	Hộ ông Đinh Văn Bườn và bà Đinh Thị Na	25	7.264,0	3.140,0	0,0	0,0	0,0	3.140,0	RSX	16	25	16409	RSM	AP 589933 24/7/2009	Đinh Văn Bườn Đinh Thị Na	-9145,0		Đo lỗ thừa
33	Hộ ông Đinh Văn Tong (Tang) và bà Đinh Thị Phiêu	57	3.040,0	0,0	0,0	2.519,0	0,0	2.519,0	RSX	16	57	3040	RSX	AP 589850 24/7/2009	Đinh Văn Tang Đinh Thị Phiêu			
34	Ông Đinh Văn Xương và bà Đinh Thị Phi	59	3.118,0	1.123,0	0,0	1.385,0	0,0	2.508,0	RSX	16	59	3118	RSX	AP 589817 24/7/2009	Đinh Văn Xương Đinh Thị Phi			

STT	Tờ BD địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000									Tờ bản đồ đo vẽ thành lập năm 2007						Chênh lệch DT		Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch					Loại đất	Tờ BD ĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	GCNQSDĐ (nếu có)	Tên theo GCNQSD Đ	Tăng giảm (+,-)	Lý do	
				Lồng Hồ	Nhà máy	Cum đầu mối	Đường vận hành	Tổng										
35	Hộ ông Đinh Văn Bảy và bà Đinh Thị Minh	216	3.594,0	0,0	0,0	2.180,0	0,0	2.180,0	RSX	16	56	5282	RSX	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
36	Hộ ông Đinh Văn Lép và bà Đinh Thị Bể	217	2.989,0	0,0	0,0	2.989,0	0,0	2.989,0	RSX	16	56 58	5282 2678	RSX	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
37	Ông Đinh Văn Phê	219	6.141,0	0,0	0,0	1.610,0	1.573,0	3.183,0	RSX	16	4 93	9197 5203	RSX	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
38	Hộ ông Đinh Văn Lép và bà Đinh Thị Bể	222	626,0	582,0	0,0	0,0	0,0	582,0	RSX	16				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
39	UBND xã	233	102.538,0	57.766,0	0,0	17.220,0	208,0	75.194,0	SON	16								
	Tờ BĐĐC ĐLN Số 17																	
40	Bà Đinh Thị Bá	3	2.662,0	0,0	1.119,0	0,0	0,0	1.119,0	CLN	17	3	2662	LNK	AM 973866 28/4/2008	Đinh Thị Bá			
41	Hộ ông Đinh Văn Ổ (chết)-Người thừa kế hợp pháp là bà Đinh Thị Nì	4	1.923,0	0,0	742,0	0,0	0,0	742,0	CLN	17	4	1923	LNK	AM 995695 28/4/2008	Đinh Văn Ổ Đinh Thị Nì			
42	Hộ ông Đinh Văn Chanh và bà Đinh Thị Bàng	15	3.890,0	0,0	3.887,0	0,0	0,0	3.887,0	CLN	17	15	3890	CLN	AM 995570 28/4/2008	Đinh Văn Chanh Đinh Thị Bàng			
43	Ông Đinh Giáp	24	3.999,0	0,0	2.739,0	0,0	0,0	2.739,0	CLN	17	24	3999	CLN	AM 995620 28/4/2008	Đinh Văn Giáp			
44	Hộ ông Đinh Un (chết)- Người thừa kế hợp pháp là bà Đinh Thị Ớt	53	2.059,0	0,0	2.039,0	0,0	0,0	2.039,0	CLN	17	53	2059	CLN	AM 995839 28/4/2004	Đinh Un Đinh Thị Ớt			
45	Hộ ông Đinh Văn Biết và bà Đinh Thị Mai	54	1.422,0	0,0	1.422,0	0,0	0,0	1.422,0	CLN	17	54	1422	CLN	AM 995519 28/4/2008	Đinh Văn Biết Đinh Thị Mai			
46	Hộ ông Đinh Đỗ và bà Đinh Thị Thìn (Phìn)	55	2.062,0	0,0	1.591,0	0,0	0,0	1.591,0	CLN	17	55	2062	CLN	AM 995597 28/4/2008	Đinh Đỗ Đinh Thị Phìn			
47	Hộ ông Đinh Văn Cúp (chết) và bà Đinh Thị Cha - người đại diện hợp pháp là bà Đinh Thị Thứ	70	2.396,0	0,0	2.309,0	0,0	0,0	2.309,0	CLN	17	70	2396	CLN	AM 995587 28/4/2008	Đinh Văn Cúp Đinh Thị Cha			

STT	Tờ BD địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000									Tờ bản đồ đo vẽ thành lập năm 2007						Chênh lệch DT		Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch					Loại đất	Tờ BD ĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	GCNQSDĐ (nếu có)	Tên theo GCNQSD Đ	Tăng giảm (+,-)	Lý do	
				Lòng Hồ	Nhà máy	Cụm đầu mối	Đường vận hành	Tổng										
48	Hộ ông Đinh Ka Chí (chết)-Người thừa kế hợp pháp là bà Đinh Thị Phố	85	2.950,0	0,0	2.496,0	0,0	0,0	2.496,0	HNK	17	85	3208	NHK	AM 995580 28/4/2008	Đinh Ka Chí Đinh Thị Phố	-258,0		CV số 37/TNMT ngày 14/02/2025
49	Hộ ông Đinh Văn Ổ (chết)-Người thừa kế hợp pháp là bà Đinh Thị Ni	370	1.724,0	0,0	1.077,0	0,0	0,0	1.077,0	CLN	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
50	Hộ ông Đinh Văn Bề và bà Đinh Thị Lấp	371	1.384,0	0,0	1.384,0	0,0	0,0	1.384,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
51	Ông Đinh Văn Bền	373	64,0	0,0	64,0	0,0	0,0	64,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
52	Hộ ông Đinh Văn Phai và bà Đinh Thị Nhít	374	287,0	0,0	287,0	0,0	0,0	287,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
53	Hộ ông Đinh Văn Phai và bà Đinh Thị Nhít	375	508,0	0,0	508,0	0,0	0,0	508,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
54	Hộ ông Đinh Văn Chanh và bà Đinh Thị Bàng	376	996,0	0,0	996,0	0,0	0,0	996,0	CLN	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
55	Hộ ông Đinh K Tênh và bà Đinh Thị Hai	377	752,0	0,0	58,0	0,0	0,0	58,0	HNK	17	71	4387	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
56	Ông Đinh Văn Tranh	378	1.791,0	0,0	1.147,0	0,0	0,0	1.147,0	RSX	17	71	4387	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
57	Ông Đinh Văn Séo	379	533,0	0,0	533,0	0,0	0,0	533,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
58	Ông Đinh Văn Bảy và bà Đinh Thị Bim	380	340,0	0,0	340,0	0,0	0,0	340,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
59	Ông Đinh Văn Tranh	382	3.252,0	0,0	3.252,0	0,0	0,0	3.252,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
60	Ông Đinh Văn Tranh	383	189,0	0,0	189,0	0,0	0,0	189,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				

STT	Tờ BD địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000									Tờ bản đồ đo vẽ thành lập năm 2007						Chênh lệch DT		Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch					Loại đất	Tờ BD ĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	GCNQSDĐ (nếu có)	Tên theo GCNQSD Đ	Tăng giảm (+,-)	Lý do	
				Lòng Hồ	Nhà máy	Cụm đầu mối	Đường vận hành	Tổng										
61	Ông Đinh Giáp	384	181,0	0,0	181,0	0,0	0,0	181,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
62	Bà Đinh Thị Thứ	385	1.208,0	0,0	1.208,0	0,0	0,0	1.208,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
63	Hộ ông Đinh Đỗ và bà Đinh Thị Thìn (Phin)	386	641,0	0,0	641,0	0,0	0,0	641,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
64	UBND xã	387	6.348,0	0,0	3.999,0	0,0	0,0	3.999,0	SON	17								
65	Hộ ông Đinh Đỗ và bà Đinh Thị Thìn (Phin)	388	217,0	0,0	217,0	0,0	0,0	217,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
66	Ông Đinh Văn Rễ	389	888,0	0,0	888,0	0,0	0,0	888,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
67	Bà Đinh Thị Bù	390	973,0	0,0	973,0	0,0	0,0	973,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
68	Hộ ông Đinh Văn Trao và bà Đinh Thị Tria	391	259,0	0,0	259,0	0,0	0,0	259,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
69	Hộ ông Nguyễn Văn Tân và bà Đinh Thị Mái	392	653,0	0,0	653,0	0,0	0,0	653,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
70	Ông Đinh Văn Thủy và bà Đinh Thị Công	393	681,0	0,0	681,0	0,0	0,0	681,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
71	Ông Đinh Văn Thủy và bà Đinh Thị Công	394	588,0	0,0	588,0	0,0	0,0	588,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
72	Ông Đinh Văn Tranh	395	824,0	0,0	824,0	0,0	0,0	824,0	CLN	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
73	Ông Đinh Văn Thủy và bà Đinh Thị CÔNG	396	146,0	0,0	146,0	0,0	0,0	146,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
74	Ông Đinh Văn Thủy và bà Đinh Thị Công	397	266,0	0,0	266,0	0,0	0,0	266,0	CLN	17	34	5901	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				

STT	Tờ BD địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000									Tờ bản đồ đo vẽ thành lập năm 2007						Chênh lệch DT		Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch					Loại đất	Tờ BD ĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	GCNQSDĐ (nếu có)	Tên theo GCNQSD Đ	Tăng giảm (+,-)	Lý do	
				Lòng Hồ	Nhà máy	Cụm đầu mối	Đường vận hành	Tổng										
75	Bà Đinh Thị Chao	398	49,0	0,0	49,0	0,0	0,0	49,0	HNK	17	34	5901	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
76	Ông Đinh Văn Séo	399	566,0	0,0	566,0	0,0	0,0	566,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
77	Hộ ông Đinh Văn Bàn và bà Đinh Thị Banh	400	449,0	0,0	449,0	0,0	0,0	449,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
78	Ông Đinh Văn Lương	401	283,0	0,0	283,0	0,0	0,0	283,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
79	Ông Đinh Văn Rễ	402	282,0	0,0	282,0	0,0	0,0	282,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
80	Ông Đinh Văn Lương	403	282,0	0,0	282,0	0,0	0,0	282,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
81	UBND xã	404	27,0	0,0	27,0	0,0	0,0	27,0	DCS	17								
82	Ông Đinh Văn Séo	405	434,0	0,0	434,0	0,0	0,0	434,0	LUC	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
83	Bà Đinh Thị Rôm	406	505,0	0,0	505,0	0,0	0,0	505,0	HNK	17	34	5901	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
84	Hộ ông Đinh Văn Tréo và bà Đinh Thị Rin	407	828,0	0,0	705,0	0,0	0,0	705,0	CLN	17	34	5901	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
85	Ông Đinh K Rốt	409	920,0	0,0	783,0	0,0	0,0	783,0	CLN	17	34	5901	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
86	Ông Đinh Văn Tranh	410	1.739,0	0,0	1.739,0	0,0	0,0	1.739,0	CLN	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
87	Hộ ông Đinh Văn Bàn và bà Đinh Thị Banh	411	826,0	0,0	826,0	0,0	0,0	826,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
88	Hộ ông Đinh Ta Giác và bà Đinh Thị Nhon	412	2.005,0	0,0	2.005,0	0,0	0,0	2.005,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				

STT	Tờ BD địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000									Tờ bản đồ đo vẽ thành lập năm 2007						Chênh lệch DT		Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch					Loại đất	Tờ BD ĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	GCNQSDĐ (nếu có)	Tên theo GCNQSD Đ	Tăng giảm (+,-)	Lý do	
				Lòng Hồ	Nhà máy	Cụm đầu mối	Đường vận hành	Tổng										
89	Hộ ông Đinh Văn Biết và bà Đinh Thị Mai	413	1.551,0	0,0	1.551,0	0,0	0,0	1.551,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
90	Ông Đinh Ôn	414	738,0	0,0	738,0	0,0	0,0	738,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
91	Ông Đinh K Rốt	415	843,0	0,0	843,0	0,0	0,0	843,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
92	Ông Đinh Văn Chim và bà Đinh Thị Chắt	416	1.006,0	0,0	1.006,0	0,0	0,0	1.006,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
93	Bà Đinh Thị Thôn	417	715,0	0,0	715,0	0,0	0,0	715,0	CLN	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
94	Hộ ông Đinh Văn Bàn và bà Đinh Thị Banh	418	1.967,0	0,0	1.429,0	0,0	0,0	1.429,0	CLN	17	34	5901	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
95	Ông Đinh K Rốt	419	512,0	0,0	512,0	0,0	0,0	512,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
96	Bà Đinh Thị Nuôn	420	806,0	0,0	806,0	0,0	0,0	806,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
97	Ông Đinh Cha Rang	421	1.227,0	0,0	1.211,0	0,0	0,0	1.211,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
98	Ông Đinh Văn Vim	422	2.135,0	0,0	1.787,0	0,0	0,0	1.787,0	CLN	17	34	5901	DCS	CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
99	Hộ ông Đinh Ka Chí (chết)-Người thừa kế hợp pháp là bà Đinh Thị Phố	426	676,0	0,0	676,0	0,0	0,0	676,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
100	Bà Đinh Thị Rôm	429	152,0	0,0	152,0	0,0	0,0	152,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				
101	Hộ ông Đinh Văn Bề và bà Đinh Thị Lấp	430	552,0	0,0	552,0	0,0	0,0	552,0	HNK	17				CV số 1278/NNMT 13/5/2025				

[illegible]